

Bản án số: 176/2017/DS-PT
Ngày 10 tháng 8 năm 2017
V/v “Tranh chấp thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Công Lý
Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 153/2016/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2016 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 428/2016/DS-ST ngày 06/5/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 546/2016/QĐ-PT ngày 25/10/2016, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1961.

Cư trú tại nhà số 117 PVT, phường 2, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm: 1982 (*theo giấy ủy quyền đề ngày 05/8/2016*) *có mặt*.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1959.

Cư trú tại 7890 Mayten Ave # 1055 Rancho Cucamonga CA 91730 Lanoriano Place Altaloma CA 91701, USA (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn gồm:

+ Bà NLQ2, sinh năm 1960. Cư trú tại nhà số 5M PDL, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1989 (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2014 tại Cucamonga, USA); cư trú số 117 PVT, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (*có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/8/2017*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1, sinh năm 1957. Cư trú tại 8853 Southnest Seattle Wahsington, 98106 USA.

Người đại diện theo ủy quyền ông NLQ1 : Bà Nguyễn Thị Diệu M, sinh năm 1984. Cư trú tại nhà số 5M PDL, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản ủy quyền ký ngày 23/02/2014 tại Washington USA*) có đơn xin xét xử vắng.

2. Bà NLQ2 có nơi cư trú trên (*có mặt*).

3. Bà NLQ3 có nơi cư trú trên (*có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/8/2017*).

4. Bà NLQ4, sinh năm 1987. Có cùng nơi cư trú với nguyên đơn (*vắng mặt*);

5. Bà NLQ5, sinh năm 1968 (*vắng mặt*);

6. Bà NLQ6, sinh năm 1996 (*vắng mặt*);

7. Trẻ NLQ7, sinh năm 2009

Người đại diện theo pháp luật của trẻ NLQ7: Bà NLQ5.

Bà NLQ5, bà NLQ6, trẻ NLQ7 cùng trú tại nhà số 13/8 THĐ, phường 13, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*);

8. Bà NLQ8, sinh năm 1977(*vắng mặt*);

9. Trẻ NLQ9, sinh năm 2013 (*vắng mặt*);

Người đại diện theo pháp luật của trẻ NLQ9:

Bà NLQ8 (*vắng mặt*);

Bà NLQ8, trẻ NLQ9 có cùng nơi cư trú với nguyên đơn.

10. Phòng công chứng NLQ10. Có trụ sở tại 94-96 NQ, phường 7, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình S1- Phó trưởng phòng (*vắng mặt*);

Người kháng cáo: Nguyên đơn – ông Nguyễn Hữu B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu B trình bày:

Hai cụ Nguyễn Hữu T (*sinh năm 1922 - chết năm 2012*) và Nguyễn Thị R (*sinh năm 1930 - chết năm 2011*) có 04 người con gồm: NLQ1, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Hữu B, Nguyễn Hữu N. Ông N chết năm 2009 (có vợ tên NLQ5 và 2 người con tên NLQ6 và NLQ7).

Căn nhà số 117 PVT, phường 2, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R. Trước khi hai cụ chết đã có di ngôn bằng miệng như sau: Năm 2010 cụ Nguyễn Thị R hứa tặng cho ông Nguyễn Hữu B ½ căn nhà, còn cụ Nguyễn Hữu T nói căn nhà số 117 thuộc quyền sở hữu chung của các anh, chị, em nên quyền ngang nhau.

Tuy nhiên, sau khi hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R qua đời thì ông Nguyễn Hữu B mới biết căn nhà trên đã có di chúc tặng cho bà Nguyễn Thị Mỹ D. Ông Nguyễn Hữu B nghi ngờ tờ di chúc là giả tạo.

Ông Nguyễn Hữu B yêu cầu Tòa án xem lại tính hợp pháp di chúc; Nếu di chúc không hợp pháp thì đề nghị hủy di chúc chia di sản thừa kế theo pháp luật. Nếu di chúc hợp pháp thì đề nghị chia cho ông Nguyễn Hữu B được hưởng bằng 2/3 của một suất thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc; vì ông Nguyễn Hữu B bị bệnh mãn tính không còn khả năng lao động.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hữu B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi hủy di chúc ông T, bà R cho bà D căn nhà 117 PVT, chỉ yêu cầu bà D phải chia cho ông Nguyễn Hữu B được hưởng bằng 2/3 của một suất thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có bà NLQ3 làm đại diện trình bày:* Về mối quan hệ gia đình, huyết thống như ông Nguyễn Hữu B trình bày là đúng. Tuy nhiên đối với căn nhà số 117 PVT, phường 2, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R. Tài sản này trước khi hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R chết có lập di chúc lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D vào năm 2009, có công chứng chứng thực đúng theo pháp luật quy định. Bà Nguyễn Thị Mỹ D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu B.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Mỹ D có phản tố yêu cầu ông Nguyễn Hữu B phải giao trả căn nhà số 117 PVT, phường 2, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Mỹ D, thì bà D sẽ hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu B cùng vợ, con ông B số tiền 200 triệu đồng để tìm chỗ ở khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Các ông bà NLQ2, Nguyễn Thị Ngọc B1, NLQ1, NLQ4 đều có ý kiến thống nhất với trình bày và yêu cầu của bị đơn.

Bà NLQ5 và bà NLQ5 giám hộ cho trẻ NLQ7 trình bày: Bà NLQ5 và ông Nguyễn Hữu N có 2 người con chung tên NLQ6, NLQ7. Ông Nguyễn Hữu N chết vào năm 2009. Bà NLQ5 xác định căn nhà số 117 PVT, phường 2, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R, trước khi chết hai cụ có lập di chúc lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D. Nay bà NLQ5 không có yêu cầu và không có ý kiến gì về việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo pháp luật.

Bà NLQ6 trình bày: Đồng ý theo trình bày của bà NLQ5, không có ý kiến gì khác.

Bà NLQ8 và bà NLQ8 đại diện theo pháp luật trẻ NLQ9 trình bày: Bà NLQ8 xác định hiện đang chung sống với nguyên đơn tại căn nhà trên; việc nguyên đơn tranh chấp thừa kế với bị đơn không liên quan gì đối với bà NLQ8. Nay bà NLQ8 đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo pháp luật.

Phòng công chứng NLQ10 có ông Nguyễn Đình S1 đại diện trình bày: Phòng công chứng NLQ10 công chứng di chúc của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị R để lại di sản là căn nhà số 117 PVT, Phường 2, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh

cho bà Nguyễn Thị Mỹ D (số công chứng 020678 lập ngày 01/6/2009 tại Phòng công chứng NLQ10) đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 428/2016/DSST ngày 06/5/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Nhà, đất tại số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu B không yêu cầu hủy di chúc của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị R cho bà Nguyễn Thị Mỹ D căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu B đòi bà Nguyễn Thị Mỹ D chia (thối tiền) cho ông số tiền 807.590.333 đồng tương ứng với 2/3 của một suất thừa kế căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Mỹ D có bà NLQ2 và bà NLQ3 đại diện.

Buộc ông Nguyễn Hữu B và bà NLQ8 và trẻ NLQ9 (vợ, con ông B) phải giao trả căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Mỹ D có bà NLQ2 và bà NLQ3 đại diện nhận, trong thời hạn ba tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ D có bà NLQ2 và bà NLQ3 đại diện đồng ý hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu B, bà NLQ8 và trẻ NLQ9 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để đi tìm chỗ ở khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông B chịu 36.425.279 đồng, được khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng mà ông B tạm ứng án phí theo biên lai thu số AG/2010/05115 ngày 22/4/2013 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông B còn phải nộp 34.925.279 đồng án phí.

Hoàn lại cho bà D 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí (có bà NLQ2 nhận thay) theo biên lai thu số AG/2010/09536 ngày 05/11/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 17/5/2016, ông Nguyễn Hữu B có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 428/2016/DSST ngày 06/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh với nội dung không đồng ý tòa bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Hữu B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Những người tham gia tố tụng trong vụ án không tự thỏa thuận được với nhau, vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho rằng bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ pháp luật. Ông Nguyễn Hữu B không cung cấp được chứng cứ mới, nên đề nghị bác kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đối chiếu với kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu kết luận của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét nhận thấy:

[1] Căn nhà và đất tại số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được các bên đương sự thừa nhận có nguồn gốc là tài sản chung hợp pháp của hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R khi qua đời để lại.

[2] Tài sản trên, đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất vào ngày 20/3/2002 cho hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R đứng tên, nên hai cụ được toàn quyền định đoạt đối với tài sản này.

[3] Trước khi qua đời, vào ngày 01/6/2009 tại Phòng công chứng NLQ10; hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R đã lập di chúc cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được hưởng toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; đây là sự tự nguyện của hai cụ, di chúc trên là hợp pháp.

[4] Tuy nhiên, ông Nguyễn Hữu B kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chia cho ông Nguyễn Hữu B số tiền 807.590.333 đồng tương ứng với 2/3 của một suất thừa kế của người được hưởng thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc; vì ông Nguyễn Hữu B bị bệnh mãn tính, không còn khả năng lao động.

[5] Tại biên bản Giám định số 1050/GĐYK-KNLD ngày 28/5/2015 của Hội đồng giám định Y khoa Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về khả năng lao động của ông Nguyễn Hữu B thể hiện: Tăng huyết áp giai đoạn I; Hen phế quản hiện tại ổn định - Hội chứng hạn chế mức độ nhẹ; Mất 08 răng, hư 01 răng; Nha chu viêm; định tỷ tể tổn thương cơ thể là 58%. Qua kết quả giám định này cho thấy ông Nguyễn Hữu B vẫn còn khả năng lao động, không thuộc trường hợp bị mất sức lao động hoàn toàn, nên không được hưởng di sản theo quy định tại Điều 669 Bộ luật dân sự năm 2005 như ông Nguyễn Hữu B yêu cầu. Do đó yêu cầu kháng cáo này của ông Nguyễn Hữu B không được chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B về việc buộc ông cùng vợ con phải giao trả căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Mỹ D. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Mỹ D để tuyên xử “*Nhà, đất căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Mỹ D*” là chưa đúng với quy định của pháp luật; Bởi lẽ, bà Nguyễn Thị Mỹ D chưa có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết di chúc của hai cụ Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị R là hợp pháp và khi Tòa án công nhận di chúc trên là hợp pháp thì mới có căn cứ xác định nhà, đất của căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

[7] Mặc khác, bà Nguyễn Thị Mỹ D là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, hiện đang cư trú tại địa chỉ 7890 Mayten Ave # 1055 Rancho Cucamonga CA 91730 Lanoriano Place Altaloma CA 91701, USA. Theo đại diện ủy quyền của bị đơn xác định bà Nguyễn Thị Mỹ D đi xuất cảnh từ năm 1997, không biết bà Nguyễn Thị Mỹ D còn mang quốc tịch Việt Nam hay không, thỉnh thoảng bà D có về Việt Nam ít

ngày rồi đi. Như vậy Tòa cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ trường hợp của bà Nguyễn Thị Mỹ D có đủ điều kiện để được sở hữu nhà ở Việt Nam theo quy định tại các Điều 7,8,159 và 160 luật nhà ở năm 2014 hay không, nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên “Nhà, đất căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Mỹ D và buộc ông Nguyễn Hữu B, bà NLQ8, NLQ9 (vợ, con ông B) phải giao trả căn nhà trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ D” là chưa có căn cứ.

[8] Do những sai sót trên của bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được; nên cần hủy 1 phần bản án sơ thẩm đối với phần phản tố của bị đơn. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

[9] Ông Nguyễn Hữu B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Hủy 1 phần bản án dân sự sơ thẩm số 428/2016/DSST ngày 06/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phần chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D.

1/- Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu B không yêu cầu hủy di chúc của ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị R cho bà Nguyễn Thị Mỹ D căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu B đòi bà Nguyễn Thị Mỹ D chia (thối tiền) cho ông số tiền 807.590.333 đồng tương ứng với 2/3 của một suất thừa kế căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/- Hủy 1 phần bản án dân sự sơ thẩm số 428/2016/DSST ngày 06/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên đối với:

- Nhà, đất căn nhà số 117 PVT, phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Mỹ D có bà NLQ2 và bà NLQ3 đại diện.

+ Buộc ông Nguyễn Hữu B và bà NLQ8 và trẻ NLQ9 (vợ, con ông B) phải giao trả căn nhà số 117 PVT, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Mỹ D có bà NLQ2 và bà NLQ3 đại diện nhận, trong thời hạn ba tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ D có bà NLQ2 và bà NLQ3 đại diện đồng ý hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu B, bà NLQ8 và trẻ NLQ9 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để đi tìm chỗ ở khác.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

3/- Phần án phí:

- Buộc ông Nguyễn Hữu B phải chịu 36.425.279 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng ông Nguyễn Hữu B tạm ứng án phí theo biên lai thu số AG/2010/05115 ngày 22/4/2013 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hữu B còn phải nộp tiếp số tiền là 34.925.279 đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được nhận lại tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu số AG/2010/09536 ngày 05/11/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (*bà NLQ2 được quyền nhận thay*).

- Ông Nguyễn Hữu B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu B 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 02850 ngày 27/5/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai phúc thẩm dân sự có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- NB (1);
- BB (1);
- NLQ (1);
- Lưu VP (3) HS (2) 14b (Án 22).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Quốc Khởi